

Số: 588 /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán vốn đầu tư công nguồn NSNN theo năm ngân sách 2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 và số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/09/2025 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 và 91/2025/TT-BTC ngày 26/09/2025 quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ các Thông báo của Bộ Tài chính số 1137/TB-BTC ngày 11/12/2025 về việc thẩm định quyết toán vốn đầu tư nguồn NSNN theo niên độ ngân sách năm 2024 (vốn trong nước) của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và số 132/TB-BTC ngày 02/02/2026 về việc thẩm định quyết toán vốn đầu tư nguồn NSNN theo niên độ ngân sách năm 2024 (vốn nước ngoài) của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán vốn đầu tư công nguồn NSNN theo năm ngân sách 2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tài chính;
- KBNN TW;
- Lưu VT, TC.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Đặng Ngọc Điệp

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Số TT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã thanh toán từ K/C đến hết niên độ năm trước		Số vốn tạm ứng theo chế độ của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm 2024	Thanh toán KLHT trong năm của phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ K/C đến hết niên độ ngân sách năm trước năm 2024	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm 2024						Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024						Tổng cộng vốn đã thanh toán KLHT quyết toán trong năm 2024	Lũy kế số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán	Lũy kế số vốn đã thanh toán từ K/C đến hết năm 2024
					Kế hoạch vốn được kéo dài	Thanh toán			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm sau (nếu có)	Số vốn còn lại chưa thanh toán hủy bỏ (nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024	Thanh toán			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm sau (nếu có)	Số vốn còn lại chưa thanh toán hủy bỏ (nếu có)							
						Tổng số						Số vốn thanh toán KLHT	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	Tổng số			Số vốn thanh toán KLHT	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15=10-11-14	16	17=18+19	18	19	20	21=16-17-20	22=9+12+18	23=7-8-9+13+19	24=6-8+11+17
	TỔNG SỐ				61.847.886.823.071	4.274.375.170.161	24.886.759.880	2.891.078.129.788	119.957.224.007	93.110.222.017	92.910.222.017	200.000.000	-	26.847.001.990	12.793.469.000.000	12.115.619.006.646	9.413.022.980.702	2.702.596.025.944	27.084.000.000	650.765.993.354	12.397.011.332.507	4.061.206.306.437	74.031.729.291.854
	Vốn trong nước				56.588.704.760.359	4.258.045.045.286	24.886.759.880	2.877.687.361.713	119.506.234.540	92.659.232.550	92.459.232.550	200.000.000	-	26.847.001.990	12.174.930.000.000	11.781.338.333.925	9.078.742.307.981	2.702.596.025.944	27.084.000.000	366.507.666.075	12.048.888.902.244	4.058.266.949.637	68.437.815.566.954
	Vốn nước ngoài, trong đó:				5.259.182.062.712	16.330.124.875	-	13.390.768.075	450.989.467	450.989.467	450.989.467	-	-	-	618.539.000.000	334.280.672.721	334.280.672.721	-	-	284.258.327.279	348.122.430.263	2.939.356.800	5.593.913.724.900
	- Theo cơ chế ghi thu, ghi chi				5.259.182.062.712	16.330.124.875	-	13.390.768.075	450.989.467	450.989.467	450.989.467	-	-	-	618.539.000.000	334.280.672.721	334.280.672.721	-	-	284.258.327.279	348.122.430.263	2.939.356.800	5.593.913.724.900
	Trong đó: số vốn chưa được phân bổ				-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.108.000.000	-	-	-	-	1.108.000.000	-	-	-
	- Theo cơ chế tài chính trong nước																						
I	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực)																						
1	Quốc phòng				-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội				-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp				1.107.164.138.071	167.730.577.307	131.075.000	143.075.072.417	6.561.954.031	6.561.954.031	6.561.954.031	-	-	-	630.032.000.000	594.695.461.613	539.221.595.862	55.473.865.751	21.415.000.000	13.921.538.387	688.858.622.310	79.998.295.641	1.708.290.478.715
	Trong đó: Nguồn CK				4.000.000.000	3.401.258.900	-	2.230.366.919	-	-	-	-	-	-	8.500.000.000	8.500.000.000	7.677.991.031	822.008.969	-	-	9.908.357.950	1.992.900.950	12.500.000.000
4	Khoa học, công nghệ				547.194.851.048	103.582.188.067	-	71.934.296.392	13.922.000.000	13.922.000.000	13.722.000.000	200.000.000	-	-	202.555.000.000	200.411.807.915	192.507.439.856	7.904.368.059	-	2.143.192.085	278.163.736.248	39.752.259.734	761.528.658.963
5	Y tế, dân số và gia đình				3.142.985.963	1.652.055.894	-	782.975.394	-	-	-	-	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000	7.324.119.985	42.675.880.015	-	-	8.107.095.379	43.544.960.515	53.142.985.963
6	Văn hóa, thông tin				785.000.000	132.000.000	-																

